



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



	Thuyết minh	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt	4	1.213.646
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN")	5	6.621.943
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	6	11.663.649
1	Tiền gửi tại các TCTD khác	9.262.526	4.208.151
2	Cho vay các TCTD khác	2.401.123	904.634
3	Dự phòng rủi ro	-	(4.634)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7	87.900
VI	Cho vay khách hàng	138.802.033	117.710.462
1	Cho vay khách hàng	140.522.626	119.193.424
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(1.720.593)	(1.482.962)
VIII	Chứng khoán đầu tư	34.796.118	35.665.848
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	34.782.319	35.180.371
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	359.343	1.175.212
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(345.544)	(689.735)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	324.731	324.731
4	Đầu tư dài hạn khác	324.731	324.731
X	Tài sản cố định	1.503.478	1.462.219
1	Tài sản cố định hữu hình	1.034.898	985.638
a	Nguyên giá	2.129.044	1.913.835
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(1.094.146)	(928.197)
3	Tài sản cố định vô hình	468.580	476.581
a	Nguyên giá	594.032	577.220
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(125.452)	(100.639)
XII	Tài sản Có khác	14	7.044.542
1	Các khoản phải thu	2.113.871	2.301.735
2	Các khoản lãi, phí phải thu	4.287.030	3.805.901
4	Tài sản Có khác	643.641	730.428
	Trong đó: Lợi thế thương mại	103.785	173.038
	TỔNG TÀI SẢN	202.058.040	175.094.532

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

	Thuyết minh	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
	NỢ PHẢI TRẢ		
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	16	287.008
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác	17	17.533.192
1	Tiền gửi của các TCTD khác	12.947.426	12.048.343
2	Vay các TCTD khác	4.585.766	4.392.613
III	Tiền gửi của khách hàng	18	136.847.259
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	19	1.158.625
VI	Phát hành giấy tờ có giá	20	28.155.937
VII	Các khoản nợ khác	21	5.496.219
1	Các khoản lãi, phí phải trả	4.575.779	4.066.959
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	920.440	811.340
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	189.478.240	164.893.640
	VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII	Vốn và các quỹ	22	12.579.800
1	Vốn	8.944.772	7.563.325
a	Vốn điều lệ	8.881.441	7.499.994
c	Thặng dư vốn cổ phần	63.331	63.331
2	Các quỹ của TCTD	1.473.387	1.205.138
5	Lợi nhuận chưa phân phối	2.161.641	1.432.429
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12.579.800	10.200.892
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	202.058.040	175.094.532

	Thuyết minh	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I	NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN	38	
1	Bảo lãnh vay vốn	4.196	6.133
2	Cam kết giao dịch hối đoái	27.900.350	33.068.489
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	213.131	847.032
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	97.243	800.559
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>	27.589.976	31.420.898
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	754.684	1.942.460
5	Bảo lãnh khác	2.036.352	4.023.014
6	Các cam kết khác	96.082	49.422

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Người soát xét:

Người phê duyệt:


Trần Hoài Thu
Trưởng phòng
Tài chính - Kế toán


Nguyễn Thị Gấm
Kế toán trưởng




Phạm Doãn Sơn
Tổng Giám đốc

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B03/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)


		Thuyết minh	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	16.259.848	13.856.320
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(10.198.972)	(8.840.534)
I	Thu nhập lãi thuần		6.060.876	5.015.786
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		592.483	331.158
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(199.072)	(178.333)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	393.411	152.825
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	63.982	6.914
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27	4.070	-
V	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	(53.806)	(4.683)
5	Thu nhập từ hoạt động khác		90.911	58.200
6	Chi phí hoạt động khác		(53.124)	(349.597)
VI	Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	29	37.787	(291.397)
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		275	-
VIII	Chi phí hoạt động	30	(4.032.180)	(3.048.068)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		2.474.415	1.831.377
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	31	(435.591)	(618.436)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		2.038.824	1.212.941
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	(438.547)	(252.988)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	32	(438.547)	(252.988)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		1.600.277	959.953
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (trình bày lại)	33	1.588	1.044

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Người soát xét:

Người phê duyệt:


Trần Hoài Thu
Trưởng phòng
Tài chính - Kế toán


Nguyễn Thị Gám
Kế toán trưởng


Phạm Doãn Sơn
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	15.778.719	12.985.556
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(9.690.152)	(7.071.410)
03 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	393.411	152.825
04 Chênh lệch số tiền thực thu và thực chi từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và chứng khoán	87.934	22.140
05 Chi phí khác đã trả	(12.859)	(293.459)
06 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	54.267	6.828
07 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(3.715.765)	(2.834.644)
08 Tiền thuế TNDN thực nộp trong năm	(402.203)	(303.365)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	2.493.352	2.664.471
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09 (Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(1.496.489)	530.000
10 Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	1.213.921	(3.705.660)
11 Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(22.353)	(65.547)
12 Tăng các khoản cho vay khách hàng	(21.329.202)	(18.572.188)
13 Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(620.473)	(481.045)
14 Giảm khác về tài sản hoạt động	161.791	140.685
Những thay đổi về nợ hoạt động		
15 (Giảm)/tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	(7.058.038)	6.013.527
16 Tăng tiền gửi và vay các TCTD khác	1.092.236	2.902.098
17 Tăng/(giảm) tiền gửi của khách hàng	11.899.184	(3.327.302)
18 Tăng phát hành giấy tờ có giá	18.036.173	3.962.633
19 (Giảm)/tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(2.875)	40.250
20 Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(49.120)
21 Tăng/(giảm) khác về nợ hoạt động	236.976	(364.470)
22 Chi từ các quỹ của TCTD	(210.193)	(110.793)
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4.394.010	(10.422.461)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B04/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)


	2019	2018
	Triệu VND	Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01 Mua sắm tài sản cố định	(434.401)	(217.078)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.098	5.882
09 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	275	-
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(430.028)	(211.196)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01 Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	1.006.472	652.400
04 Cổ tức trả cho cổ đông	-	(646.005)
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	1.006.472	6.395
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	4.970.454	(10.627.262)
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	12.127.661	22.754.923
VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (THUYẾT MINH 34)	17.098.115	12.127.661


Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Người soát xét:

Người phê duyệt:


Trần Hoài Thu
Trưởng phòng
Tài chính - Kế toán


Nguyễn Thị Gấm
Kế toán trưởng


Phạm Doãn Sơn
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này